

Xu hướng di làm ăn xa và những tác động đến văn hóa - xã hội của người Chăm Hồi giáo ở tỉnh An Giang

Đoàn Việt^(*)

Tóm tắt: Trong bối cảnh xã hội hiện nay, xu hướng di làm ăn xa ngày càng trở nên phổ biến ở hầu khắp các khu vực trên cả nước. Tùy thuộc vào mỗi khu vực, mỗi thành phần dân tộc, tôn giáo..., xu hướng này cũng có sự khác biệt. Bài viết bước đầu phân tích về hiện tượng di làm ăn xa như một hình thức di cư trong thời hiện đại ở người Chăm Hồi giáo miền Tây Nam bộ thuộc tỉnh An Giang; đồng thời, làm rõ những tác động tới văn hóa - xã hội của người Chăm Hồi giáo từ hiện tượng di cư này.

Từ khóa: Dân tộc Chăm, Di làm ăn xa

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu về di cư của người Chăm ở nước ta đã được nhiều nhà khoa học quan tâm nhưng chủ yếu đề cập đến góc độ lịch sử phát triển tộc người. Trong một nghiên cứu về quá trình di cư của người Chăm Hồi giáo, Nguyễn Văn Luận (1974) cho rằng, một bộ phận cộng đồng người Chăm từ miền Trung Việt Nam đã di cư xuống miền Tây Nam bộ vào khoảng cuối thế kỷ XVIII để tránh các cuộc chiến tranh, rồi từ đó mới lan tỏa ngược trở lại vùng miền Đông Nam bộ và mở rộng sang Campuchia. Cung cấp một cái nhìn đầy đủ hơn về việc di cư của người Chăm, Phan Xuân Biên, Phan An và Phan Văn Dóp (1991) đã bàn tới các luồng di cư, sự tiếp biến văn hóa trong quá trình dịch chuyển của cộng đồng người Chăm từ miền Trung Việt Nam qua Tây Nguyên,

sang Campuchia rồi trở về vùng miền Tây Nam bộ và dịch chuyển theo đường thủy từ Nam Trung bộ vào miền Đông Nam bộ. Tuy nhiên, vấn đề di cư gắn với di làm ăn xa của người Chăm trong bối cảnh kinh tế thị trường và toàn cầu hóa hầu như chưa được quan tâm nghiên cứu. Nhằm làm rõ vấn đề này, bài viết sử dụng số liệu thuộc đề tài “Di cư của người Chăm Hồi giáo miền Tây Nam bộ Việt Nam”^(*) của tác giả để phân tích thực trạng di làm ăn xa và những tác động đến văn hóa - xã hội của người Chăm Hồi giáo ở tỉnh An Giang.

^(*) Viện Dân tộc học; Email: viet_dth@yahoo.com

^(*) Đề tài được thực hiện năm 2014 bằng phương pháp điều tra theo phiếu hỏi bán cấu trúc, gồm 146 hộ gia đình tại 3 xã biên giới giáp Campuchia, đó là: xã Khánh Bình (làng Sa bầu), xã Quốc Thái (làng Ka kôki), xã Nhơn Hội (làng Ka kôki) thuộc huyện An Phú, tỉnh An Giang. Độ tuổi của người Chăm Hồi giáo di làm ăn xa dao động từ 16-58, độ tuổi trung bình là 29,6 tuổi. Trong nhóm này, nữ giới chiếm 39,3%; số người chưa kết hôn chiếm 41,2%.

1. Khái quát về người Chăm Hồi giáo ở tỉnh An Giang

Người Chăm theo đạo Hồi ở miền Tây Nam bộ hiện nay cư trú chủ yếu ở các huyện An Phú, Tân Châu, Phú Tân và Châu Thành thuộc tỉnh An Giang. Đất đai của vùng hầu hết là đồng bằng phù sa, thường xuyên chịu ngập úng trong mùa lũ. Hàng năm, khoảng từ tháng Bảy cho đến tháng Mười Hai, mưa lớn kết hợp với lượng nước tích tụ tại Biển Hồ ở Campuchia dồn về làm ngập úng tới 68% diện tích tự nhiên của vùng, độ ngập trung bình từ 2-3 m. Đặc trưng này ảnh hưởng rất lớn tới tập quán sinh hoạt và sản xuất của người dân. Hiện nay, người Chăm ở An Giang có 9 làng, bao gồm: làng Kinh Te, xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành; làng Lakh Kênh (Phum Soài), xã Châu Phong, huyện Tân Châu; làng Katampoong, xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú; làng Lakh Machouk (Châu Giang), xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân; làng Ka Kapoak, xã Đa Phước; làng Lama, xã Vĩnh Trường; làng Sa bầu, xã Khánh Bình; làng Ka kôki, xã Quốc Thái và làng Ka kôi, xã Nhơn Hội, huyện An Phú (Lâm Tâm, 1994).

Mặc dù người Chăm Hồi giáo ở miền Tây Nam bộ đã định cư tại khu vực này trên dưới hai trăm năm nhưng họ không có truyền thống làm nông nghiệp. Họ tự gọi mình là cư dân “thương hồ hạ bạc”, có nghĩa là những cư dân buôn bán và làm nghề chài lưới. Từ khoảng giữa thế kỷ XX cho đến trước năm 1975, theo Lâm Tâm (1994), kinh tế người Chăm Hồi giáo chủ yếu dựa vào các hình thức chài lưới trên sông, dệt thổ cẩm và buôn bán. Trong đó, nghề đánh bắt thủy sản (hạ bạc) chủ yếu được thực hiện trên hệ thống sông rạch trong vùng (sông Bình Di, sông Bắc Đai, sông Châu Đốc, búng Bình Thiên...), nghề

buôn bán các mặt hàng nhu yếu phẩm chủ yếu bằng ghe thuyền, bám theo hệ thống kênh rạch trên vùng đồng bằng sông Mekong, riêng việc buôn bán các sản phẩm từ dệt thổ cẩm được tiêu thụ chủ yếu tại thị trường Campuchia. Từ sau năm 1975 đến nay, theo Phan Văn Dốp và Nguyễn Thị Nhung (2006), hệ thống kinh tế nói chung và việc đi làm ăn xa của người Chăm Hồi giáo miền Tây Nam bộ có những biến đổi rõ rệt. Một số hộ gia đình người Chăm tiếp cận và chuyển đổi sang sản xuất nông nghiệp, đất đai sản xuất chủ yếu được thuê mướn lại của người Việt trong vùng và người Khmer ở Campuchia. Nghề dệt thổ cẩm truyền thống mất hẳn do sản phẩm không có đầu ra, không cạnh tranh được với các sản phẩm công nghiệp. Bên cạnh đó, do nguồn tài nguyên trên sông cạn kiệt nên đa phần ngư dân tìm kiếm khu vực đánh bắt mới, chủ yếu là ở bên kia biên giới Việt Nam - Campuchia cho tới sát vùng Biển Hồ.

Dưới góc độ văn hóa tộc người, cộng đồng người Chăm miền Tây Nam bộ chịu ảnh hưởng sâu sắc của đạo Hồi. Hàng ngày, họ cầu nguyện 5 lần: khi mặt trời chưa ló, sau giờ cơm trưa, lúc xế chiều, chập tối và cuối ngày, khoảng 11 giờ đêm. Hàng năm, tháng lễ Ramadan là nghi lễ lớn nhất, trong vòng một tháng, tín đồ Hồi giáo phải nhịn ăn từ khi mặt trời mọc cho tới khi mặt trời lặn. Sau đó, họ mới được ăn uống nhưng cũng chỉ ăn trong bếp, kín đáo. Ngày cuối cùng của tháng chay, họ tổ chức tiệc lớn, gọi là *tiệc xả chay*, hôm sau, họ trở lại nếp sống ngày thường. Người Chăm còn có một số phong tục khác như ăn bốc, không ăn thịt lợn, không ăn thịt các con vật không phải do người Hồi giáo cầu siêu rồi mới giết thịt... Họ ít khi ăn quà ở chợ, hàng quán dọc đường. Những yếu tố trên đã tạo

nên bối cảnh “bất khả xâm phạm” về văn hóa, không dung hòa, hội nhập với các cộng đồng tộc người khác tôn giáo láng giềng. Những người Chăm Hồi giáo đi làm ăn xa đều đem theo nếp sống đó đến nơi ở và làm việc.

2. Một số đặc điểm cơ bản của nhóm người Chăm đi làm ăn xa

Trong những năm gần đây, đặc biệt từ khi Việt Nam chính thức là thành viên khối ASEAN, người Chăm Hồi giáo ở An Giang có xu hướng hội nhập với cộng đồng đạo Hồi trong khu vực. Họ tham gia vào các hoạt động như: thi xướng kinh Koran, dự các hội nghị Hồi giáo, viếng thánh địa Mecca, du học,... Những người Chăm Hồi giáo ở An Giang đi làm ăn xa luôn giữ mối quan hệ chặt chẽ với nơi chôn nhau cắt rốn, bảo lưu quyền lợi công dân tại nơi đó, đồng thời thu nhập từ các hoạt động kinh tế của họ cũng là một nguồn lực phục vụ quê nhà.

Theo số liệu điều tra, trong số những người đi làm ăn xa, tỷ lệ người thuê đất làm nông nghiệp chiếm 6,2%, 40,4% theo nghề chài lưới, 19,2% đi buôn bán hàng rong ở Camphuchia; 21,2% người đi làm ăn xa buôn bán hàng rong tại các tỉnh khác ở Việt Nam; 12,3% đi làm công nhân tại các khu công nghiệp ở các thành phố lớn; và duy nhất có 1 trường hợp, chiếm 0,7%, làm việc tại ngân hàng ở Long Xuyên. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nền kinh tế thị trường đã có những tác động nhất định tới lao động và việc làm của người Chăm Hồi giáo. Điều này được thể hiện qua việc một bộ phận người dân nhận thấy tầm quan trọng của sản xuất nông nghiệp, một số khác bị hấp dẫn bởi lực hút từ môi trường làm việc tại các khu công nghiệp ở các trung tâm, đô thị,... Những người lao động tự do như buôn bán hay làm nghề chài lưới truyền

thống lại thể hiện sức vươn lên, sự lan tỏa xa hơn và mạnh hơn đối với các địa bàn kinh tế truyền thống của họ. Sự thay đổi này tác động sâu sắc tới đời sống kinh tế, văn hóa, tư tưởng và tôn giáo của cộng đồng người Chăm Hồi giáo.

Trong số những người Chăm Hồi giáo đi làm ăn xa, các trường hợp góa hoặc đơn thân không nhiều, những người đi làm ăn xa thường không đi độc lập mà đi chung với gia đình, mục đích phụ trợ người chồng, người con của họ. Theo số liệu thống kê tại địa phương, tỷ lệ phụ nữ đi làm ăn xa độc lập tăng dần theo từng năm. Tại làng Lama, xã Vĩnh Trường và làng Ka kôi, xã Nhơn Hội, năm 2008 mới có phụ nữ đi làm ăn xa độc lập đầu tiên. Những năm tiếp theo, số lượng phụ nữ đi làm ăn xa độc lập tăng dần, cho đến năm 2011 tỷ lệ phụ nữ đi làm ăn xa độc lập là 24,4% trong tổng số 39,3% phụ nữ đi làm ăn xa... Như vậy, việc đi làm ăn xa của người Chăm Hồi giáo miền Tây Nam bộ vừa gia tăng về số lượng, vừa biến chuyển về cơ cấu giới.

Trình độ học vấn của người Chăm Hồi giáo đi làm ăn xa rất thấp, trung bình số lớp học đạt được là 2,45 lớp. Không những vậy, ngay cả chỉ số lớp học của những người ở nhà cũng không khả quan hơn, chỉ đạt 4,10 lớp. Điều này một phần là do các xã vùng biên của tỉnh An Giang có địa bàn khá rộng, thường xuyên chịu ngập lụt của lũ sông Mekong, gây trở ngại cho trẻ em đến trường. Mặt khác, những năm 1990-1992, tại các thôn ấp Chăm mới có các điểm trường tiểu học. Ngoài ra, ở cộng đồng người Chăm Hồi giáo miền Tây Nam bộ còn tồn tại hệ thống giáo dục của thánh đường dạy chữ và tiếng Mã Lai cho tín đồ Hồi giáo. Việc này được duy trì thường xuyên và được sự ủng hộ của các tín đồ, trở

thành một đặc trưng văn hóa tộc người. Vì vậy, hầu hết trẻ em trong độ tuổi phổ cập giáo dục đều theo học chữ Mã Lai.

Theo kết quả khảo sát tại địa bàn nghiên cứu, tỷ lệ số hộ có người đi làm ăn xa khá cao. Làng Ka kôl (xã Nhơn Hội) chiếm 70,2% (179/255 hộ); làng Ka kôl (xã Quốc Thái) là 79,1% (106/134 hộ) và làng Sa bâu (xã Khánh Bình) là 81,1% (116/143 hộ). Những hộ không có người đi làm ăn xa thường là các trường hợp neo đơn, làm dịch vụ tại địa phương hoặc chuyển đổi sang nông nghiệp trồng lúa (trong số này có cả những hộ thuê đất nông nghiệp của người dân ở Campuchia để canh tác).

Các hộ có người đi làm ăn xa sử dụng nguồn thu nhập này để chi cho sinh hoạt thường nhật của gia đình, trong đó, 41,8% sử dụng để sửa chữa nhà cửa, 15,4% đầu tư cho đào tạo nghề hoặc các cấp học sau PTTH. Không có gia đình nào sử dụng nguồn tiền từ đi làm ăn xa để phát triển nông nghiệp. Trong khi đó, chỉ có 15% số hộ tích trữ được một khoản tiền từ đi làm ăn xa. Số tiền này chủ yếu được chi cho việc hành hương về thánh địa Mecca.

Như vậy, có thể thấy, trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt khi nghề thủ công truyền thống đã không còn phát huy hiệu quả kinh tế, phần lớn kinh tế của người Chăm Hồi giáo dựa vào nguồn thu nhập từ đi làm ăn xa.

3. Tác động đến văn hóa - xã hội và sự thích ứng của người Chăm Hồi giáo

Xu hướng ngày càng nhiều người lựa chọn phương thức đi làm ăn xa, có thu nhập tốt hơn, khiến việc đầu tư cho học vấn ở người Chăm Hồi giáo ở An Giang được cải thiện rõ rệt. Ngôn ngữ là một trong những yếu tố tác động mạnh tới việc lựa chọn địa bàn đi làm ăn xa của người Chăm. Người Chăm Hồi giáo ở An Giang

sống ở vùng biên giới nên họ khá thành thạo tiếng Khmer (tiếng Miên). Theo số liệu điều tra, có 88,6% người đi làm ăn xa tại Campuchia nói thành thạo tiếng Khmer. Trong khi đó, 100% số người đi làm ăn xa ở các vùng khác tại Việt Nam nói thành thạo tiếng phổ thông.

Từ năm 2000 trở lại đây, một số đoàn Hồi giáo ở một số quốc gia trên thế giới đã đến thăm vùng người Chăm ở An Giang, liên lạc giữa các cá nhân và tổ chức Hồi giáo ở An Giang với cộng đồng người Chăm Hồi giáo ở thành phố Hồ Chí Minh cũng được tăng cường và giới trẻ người Chăm học tập tại một số quốc gia Hồi giáo ngày càng nhiều. Cho đến nay, làng Ka kôl có 8 lượt học sinh theo học ở các nước Malaysia và Thailand, làng Ka kôl có 11 lượt học sinh theo học ở Malaysia, Indonesia và Thailand, làng Sa bâu có 6 em theo học ở Malaysia và Thailand. Hầu hết những em đi học xa đều ở lại làm việc tại các quốc gia này hoặc trở về Việt Nam làm việc tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, cùng với sự thúc đẩy của quá trình phát triển xã hội, học vấn của người đi làm ăn xa ngày càng được nâng cao.

Khi đi làm ăn xa, những người Chăm Hồi giáo gắn bó chặt chẽ với mạng lưới xã hội. Những người buôn bán trên ghe, thuyền dựa vào các mối hàng, các địa bàn dân cư nơi đến, đặc biệt là chính quyền cơ sở cấp thôn, làng. Những người chài cá tại địa bàn Campuchia tìm kiếm sự hỗ trợ, chia sẻ từ chính những người cùng nghề. Không chỉ vậy, họ còn tạo dựng được mối quan hệ với người dân sở tại (chủ yếu là người Chăm Hồi giáo ở Campuchia, sinh sống ven dòng Mekong). Những người buôn bán nhỏ ở Campuchia dựa vào mối hàng, chủ hàng và sự hỗ trợ của những người cùng đi. Những

người làm công nhân tại các khu chế xuất tìm kiếm sự trợ giúp từ những người đi trước và sự hỗ trợ của cộng đồng doanh nghiệp,... Sự hỗ trợ từ mạng lưới này rất đa dạng, từ thông tin, thị trường, nghề nghiệp cho đến hỗ trợ về tâm lý, tình cảm, thực hành tôn giáo và cả những hỗ trợ về đầu tư, kinh tế, tổ chức ăn ở.

Mạng lưới xã hội của những người đi làm ăn xa được mở rộng tới các cộng đồng và cá nhân khác tộc, khác tôn giáo, biểu hiện gắn bó chặt chẽ nhất của mối quan hệ này là kết nối hôn nhân. Theo kết quả điều tra, vấn đề hôn nhân khác tộc, khác tôn giáo ở người Chăm Hồi giáo An Giang hầu như không xuất hiện trong suốt quãng thời gian dài từ năm 1974 cho đến những năm cuối thế kỷ XX. Từ khoảng năm 1995 trở lại đây, người Chăm Hồi giáo ở An Giang kết hôn khác tộc, khác tôn giáo và kết hôn với người nước ngoài ngày càng phổ biến. Trong khoảng thời gian này, làng Ka kôki có 23 cặp kết hôn, trong đó có 11 cặp Chăm - Kinh, 6 cặp Chăm - Khmer, 1 cặp Chăm - Hoa, 4 cặp Chăm - Chăm Campuchia và 1 cặp Chăm - Malaysia. Giai đoạn 2008-2012, làng Ka kôki có 15 cặp kết hôn, trong đó có 2 cặp Chăm - Chăm Campuchia, 1 cặp Chăm - Malaysia và 12 cặp Chăm - Kinh. Hầu hết các cuộc hôn nhân này đều bắt nguồn từ việc đi làm ăn xa. Có thể nói, mạng lưới xã hội của những người đi làm ăn xa liên tục được mở rộng, mạng lưới xã hội càng lớn thì khả năng thành công của những người đi làm ăn xa càng được đảm bảo.

Về các vấn đề tôn giáo và thực hành nghi lễ, những người Chăm Hồi giáo đi làm ăn xa cũng chịu tác động sâu sắc khi rời khỏi địa bàn tôn giáo của mình. Với địa bàn làm ăn dọc theo dòng Mekong, từ đường biên giới Việt Nam - Campuchia

cho đến khu vực Biên Hồ, những người Chăm Hồi giáo ở tỉnh An Giang sang Campuchia làm nghề chài cá có điều kiện tiếp xúc với những người đồng tộc và đồng đạo. Ở đây, có một số thánh đường Hồi giáo mà họ có thể tới dự lễ, gồm các thánh đường *Lùng San*, *Piệc nốt*, *Piệc Pra*, *Piệc Stee* và *Chon wa*. Họ không những không gặp khó khăn, trở ngại khi tham dự các nghi lễ tôn giáo ở đây mà còn luôn được chào đón, ủng hộ. Vì thế, sự kết nối giữa hai cộng đồng tôn giáo ngày càng xích lại gần nhau hơn, đặc biệt là họ được dẫn dắt bởi hệ thống chức sắc.

Nhiều cuộc viếng thăm, dự lễ, tương trợ, ủng hộ... giữa các cộng đồng này được thực hiện bởi các chức sắc tôn giáo và tín đồ. Năm 2004, Ban quản trị thánh đường Hồi Ka kôki (Việt Nam) thăm thánh đường Piệc Stee (Campuchia); năm 2005, Ban quản trị thánh đường Lama (xã Đa Phước, huyện An Phú) thăm thánh đường Piệc Pra (Campuchia); năm 2007, Ban quản trị thánh đường Ka kôki thăm thánh đường Lùng San. Năm 2011, khánh thành thánh đường Piệc nốt (Campuchia), hầu khắp các làng Chăm Hồi giáo ở An Giang đều có chức sắc và nhân dân tới chúc mừng. Ngược lại, các thánh đường bên nước bạn cũng có những cuộc thăm viếng, dự lễ tại các thánh đường Hồi giáo ở An Giang. Những cuộc viếng thăm như vậy đã kết nối cư dân các vùng lại gần hơn và tăng cường khả năng kết nối mạng lưới của những người đi làm ăn xa. Từ góc nhìn khác, việc đi làm ăn xa giúp cho người Chăm Hồi giáo có sự mở rộng, giao kết với các cộng đồng Hồi giáo trong khu vực và trên thế giới.

Sự thích ứng của người Chăm Hồi giáo ở An Giang khi rời xa môi trường tôn giáo trong vấn đề thực hành tôn giáo cũng thể

hiện vai trò của mạng lưới. Người Chăm Hồi giáo luôn ý thức việc thực hành giới luật của tôn giáo ngay cả khi họ phải xa rời cộng đồng, đi tìm con đường mưu sinh. Việc thực hiện giới luật của tín đồ Hồi giáo trong sinh hoạt thường nhật chủ yếu thể hiện trên hai phương diện, đó là: hành lễ cầu kinh và ăn uống. Việc hành lễ cầu kinh được những người đi làm ăn xa thực hiện cơ động, ngay tại nơi cư trú, nơi làm việc của mình. Đến giờ làm lễ, họ khoác lên người trang phục tôn giáo, hướng mặt về phía thánh địa Mecca và cầu kinh. Việc tổ chức ăn uống, sinh hoạt thường nhật cũng được bố trí hợp lý bằng cách tự nấu ăn theo nhóm những người cùng tôn giáo. Ở cả hai yếu tố này, chúng tôi nhận thấy vai trò của mạng lưới rất quan trọng, những người trong cùng chuỗi mắt xích của mạng lưới thường tập hợp lại để thực hành, bảo lưu phong tục tập quán của mình. Do vậy, việc tổ chức đi làm ăn xa theo nhóm hoặc theo gia đình rất phổ biến ở người Chăm Hồi giáo. Trường hợp đi làm ăn xa độc lập, tách biệt chủ yếu là những người có học vấn cao, làm việc tại các cơ quan, công ty hay tập đoàn kinh tế lớn.

Mặc dù người Chăm Hồi giáo đi làm ăn xa đã có những động thái kết nối, tổ chức mạng lưới những người đồng đẳng để thực hành, bảo lưu văn hóa, bảo lưu tôn giáo nhưng vẫn chịu sự tác động sâu sắc của các yếu tố khách quan như môi trường lao động, thời gian lao động và nền văn hóa nơi làm việc, như:

i) Đối với những người đi làm ăn xa làm lao động tự do hay buôn bán, việc thực hiện tập quán văn hóa dường như dễ dàng hơn: “Bọn em đi theo nhóm, lúc nào đến giờ làm lễ thì tập trung lại làm lễ, ăn uống thì cất cử người nấu ăn cho cả nhóm. Mặc dù

vậy cũng rất khó vì ngoài kiêng thịt lợn, người Hồi giáo còn không ăn những con vật mà không phải tự tay người Hồi giáo cầu siêu rồi giết thịt nó, do vậy mà cũng khó khăn” (Phỏng vấn S, 28 tuổi, người làng Ka kô đi làm ăn xa).

ii) Đối với những người đi làm công nhân hay làm việc tại các công sở, công ty thì việc “giữ lễ” trở nên khó khăn hơn: “Bọn em đi làm như thế này (công nhân) thì phải ở cùng với mấy chị em để còn giúp đỡ nhau. Ăn uống thì nấu lấy nhưng cũng khó lắm, đi làm cả ngày cũng mệt rồi, còn khi tăng ca, làm thêm giờ nữa, thì không tự nấu được mà phải ăn chung với bếp ăn. Mình cũng nói với họ trước là phong tục của mình như vậy để họ biết mà làm, họ cũng lưu ý nhưng cũng khó vì quá nhiều công nhân, nên họ làm cho mình thế nào thì mình ăn thôi chứ cũng không biết sao” (Phỏng vấn A, 22 tuổi, người làng Ka kô làm công nhân tại thành phố Hồ Chí Minh). Hay: “Mình đi làm thế này nên việc thực hiện phong tục khó lắm, nhất là trong mùa nhịn chay Ramadan. Ở quê thì còn nhịn được vì mùa lễ thì nghỉ ngơi, còn đi làm thì không thể nghỉ dài một tháng được, mà làm cả ngày không ăn thì cũng rất khó khăn...” (Phỏng vấn U, 26 tuổi, người làng Ka kô, nhân viên ngân hàng tại Long Xuyên).

Như vậy, việc đi làm ăn xa phần nào cũng có tác động đến văn hóa, đặc biệt là trong thực hành nghi lễ và giới luật tôn giáo. Mặc dù những người Chăm Hồi giáo đi làm ăn xa gặp nhiều khó khăn khi thực hành các yếu tố văn hóa đặc trưng của tộc người và tôn giáo trong điều kiện và môi trường lao động bên ngoài nhưng họ luôn có ý thức gìn giữ tập quán và phong tục. Chính vì vậy, có thể nói, đây là một trở ngại lớn khi người Chăm Hồi giáo thoát ly khỏi địa phương,

thoát ly khỏi cộng đồng tôn giáo, cộng đồng văn hóa để tìm kiếm nguồn kinh tế bên ngoài. Tuy nhiên, điều này cũng không cần được xu hướng đi làm ăn xa của người dân nơi đây bởi sức hút từ môi trường lao động và thu nhập bên ngoài.

4. Kết luận

Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường hiện nay, sức lao động được giải phóng và trở thành hàng hóa, người dân nông thôn nói chung và người Chăm Hồi giáo ở An Giang nói riêng đang nỗ lực vận động, tìm kiếm các cơ hội phát triển bên ngoài xã hội truyền thống. Kinh tế truyền thống của người Chăm Hồi giáo ở An Giang là các nghề thủ công truyền thống và khai thác thủy sản đầu nguồn sông Mekong, đoạn chảy vào Việt Nam. Do vậy, việc buôn bán và chài lưới nay đây mai đó không phải là điều xa lạ. Tuy nhiên, trong bối cảnh xã hội mới, khi các phương thức sản xuất truyền thống không còn phù hợp, hiện tượng đi làm ăn xa ngày càng phát triển. Theo kết quả khảo sát, tỷ lệ trên 70% số hộ có người đi làm ăn xa ở các mẫu nghiên cứu cho thấy, hiện tượng đi làm ăn xa dần chiếm thể chủ đạo trong đời sống kinh tế - xã hội của người Chăm Hồi giáo An Giang.

Nguồn tiền từ đi làm ăn xa thúc đẩy sự phát triển kinh tế tại quê hương của những người đi làm ăn xa. Bộ mặt nông thôn dần thay đổi, chất lượng cuộc sống được nâng cao. Việc đi làm ăn xa cũng mở rộng mối quan hệ xã hội của người Chăm Hồi giáo ở An Giang với các cộng đồng người Chăm Hồi giáo ở Campuchia, các cộng đồng và cá nhân khác tộc, khác tôn giáo nơi họ đến. Những mối liên kết, những quan hệ xã hội được hình thành, phát triển, biểu hiện cao nhất là hôn nhân khác tộc, khác tôn giáo, hôn nhân với người nước

ngoài. Sự hỗ trợ từ mạng lưới quan hệ này là yếu tố đảm bảo an toàn cho phát triển kinh tế của những người Chăm Hồi giáo đi làm ăn xa.

Ngoài những biến đổi có thể nhận thấy rõ về đời sống kinh tế, hiện tượng đi làm ăn xa còn ảnh hưởng qua lại và tác động sâu sắc tới bản sắc văn hóa tộc người. Những yếu tố văn hóa chịu tác động sâu sắc nhất liên quan chặt chẽ với tôn giáo, cụ thể là thực hành các nghi lễ và những kiêng kỵ trong đời sống thường nhật và quá trình giao tiếp xã hội. Rõ ràng khi ở bên ngoài lãnh địa Hồi giáo, người Chăm Hồi giáo đi làm ăn xa chịu những tác động sâu sắc từ môi trường văn hóa - xã hội. Tuy vậy, họ luôn có ý thức gìn giữ văn hóa truyền thống mà họ mang theo từ quê nhà. Sự thích ứng về văn hóa của những người Chăm Hồi giáo đi làm ăn xa song hành với ý thức về cộng đồng Hồi giáo quê nhà của họ. Đó là phản ánh nhận thức văn hóa - xã hội của nhóm người Chăm Hồi giáo đi làm ăn xa trong bối cảnh công nghiệp hóa, toàn cầu hóa hiện nay □

Tài liệu tham khảo

1. Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dốp (1991), *Văn hóa Chăm*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Phan Văn Dốp, Nguyễn Thị Nhung (2006), *Cộng đồng người Chăm Hồi giáo ở Nam Bộ trong quan hệ giới và phát triển*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Luận (1974), *Người Chăm Hồi giáo ở miền Tây Nam phần Việt Nam*, Bộ Văn hóa, Giáo dục và Thanh niên, Sài Gòn.
4. Lâm Tâm (1994), *Một số tập tục người Chăm An Giang*, Chi hội Văn nghệ dân gian An Giang xuất bản.